

## 4. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

Trong một câu tiếng Anh, chủ ngữ và động từ phải phù hợp với nhau về ngôi và số (số ít hay số nhiều)

The worker works very well.  
số ít      số ít

The workers work very well.  
số nhiều      số nhiều

### 4.1 Các trường hợp chủ ngữ đứng tách khỏi động từ

Trong câu tiếng Anh, có nhiều trường hợp rất khó xác định được đâu là chủ ngữ của câu do chủ ngữ và động từ không đi liền với nhau.

The boys in the room are playing chess.

Thông thường trong các trường hợp đó, một ngữ giới từ (một giới từ mở đầu và các danh từ theo sau – in the room) thường nằm giữa chủ ngữ và động từ. Các ngữ giới từ này không ảnh hưởng đến việc chia động từ.

The study of languages is very interesting.

Several theories on this subject have been proposed.

The view of these disciplines varies from time to time.

The danger of forest fires is not to be taken lightly.

Chú ý rằng trong các ví dụ trên các danh từ nằm trong ngữ giới từ đều trái ngược với chủ ngữ về số ít / số nhiều nhưng động từ luôn được chia theo chủ ngữ chính.

Các cụm từ sau cùng với các danh từ đi theo sau nó tạo nên hiện tượng đồng chủ ngữ. Chúng đứng giữa chủ ngữ và động từ, phân tách khỏi 2 thành phần đó bởi dấu phẩy. Chúng cũng không có ảnh hưởng gì đến việc chia động từ.

Together with                      along with                      accompanied by                      as well as

Mary, along with her manager and some friends, is going to a party tonight.

Mr. Robbins, accompanied by her wife and children, is arriving tonight.

Nếu 2 danh từ làm chủ ngữ nối với nhau bằng **and** thì động từ phải chia ở ngôi thứ 3 số nhiều (tương đương với they)

Mary and her manager are going to a party tonight.

Nhưng nếu 2 đồng chủ ngữ nối với nhau bằng **or** thì động từ phải chia theo danh từ đứng sau **or**. Nếu danh từ đó là số ít thì động từ phải chia số ít và ngược lại.

Mary **or** her manager is going to answer the press interview.

## 4.2 Các từ luôn đi với danh từ hoặc đại từ số ít

Đó là các danh từ ở bảng sau (còn gọi là các đại từ phiếm chỉ).

any + singular noun	no + singular noun	some + singular noun
anybody anyone anything	nobody no one nothing	somebody someone something
every + singular noun everybody	everyone	everything
each	either *	neither *

\* *Either* và *neither* là số ít nếu chúng không đi với *or* hoặc *nor*. *Either* (có nghĩa 1 trong 2) chỉ dùng cho 2 người hoặc 2 vật. Nếu 3 người (vật) trở lên phải dùng *any*. *Neither* (không một ai trong hai) chỉ dùng cho 2 người, 2 vật. Nếu 3 người (vật) trở lên dùng *not any*.

Everybody who wants to buy a ticket should be in this line.

Something is in my eye.

Anybody who has lost his ticket should report to the desk.

Neither of his pens is able to be used.

If either of you takes a vacation now, we will not be able to finish the work.

No problem is harder than this one.

Nobody works harder than John does.

## 4.3 Cách sử dụng None và No

None và No đều dùng được với cả danh từ số ít và số nhiều.

· Nếu sau None of the là một danh từ không đếm được thì động từ phải ở ngôi thứ 3 số ít. Nếu sau nó là một danh từ số nhiều thì động từ phải chia ở ngôi thứ 3 số nhiều.

None of the + non-count noun + singular verb

None of the + plural count noun + plural verb

None of the counterfeit money has been found.

None of the students have finished the exam yet.

· Nếu sau No là một danh từ đếm được số ít hoặc không đếm được thì động từ phải ở ngôi thứ 3 số ít. Nếu sau nó là một danh từ số nhiều thì động từ phải ở ngôi thứ 3 số nhiều

No + {singular noun / non-count noun} + singular verb

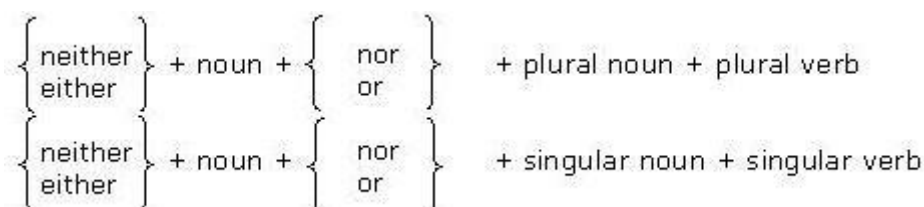
No + plural noun + plural verb

No example is relevant to this case.

No examples are relevant to this case.

#### 4.4 Cách sử dụng cấu trúc either... or (hoặc...hoặc) và neither... nor (không...mà cũng không)

Điều cần lưu ý nhất khi sử dụng cấu trúc này là động từ phải chia theo danh từ đi sau *or* hoặc *nor*. Nếu danh từ đó là số ít thì động từ chia ở ngôi thứ 3 số ít và ngược lại. Nếu *or* hoặc *nor* xuất hiện một mình (không có *either* hoặc *neither*) thì cũng áp dụng quy tắc tương tự (như đã đề cập ở phần trên)



Neither John nor his friends are going to the beach today.

Either John or his friends are going to the beach today.

Neither the boys nor Carmen has seen this movie before.

Either John or Bill is going to the beach today.

Neither the director nor the secretary wants to leave yet.

#### 4.5 V-ing làm chủ ngữ

Khi V-ing dùng làm chủ ngữ thì động từ cũng phải chia ở ngôi thứ 3 số ít.

Knowing her has made him what he is.

Not studying has caused him many problems.

Washing with special cream is recommended for scalp infection.

Being cordial is one of his greatest assets.

Writing many letters makes her happy.

Người ta sẽ dùng V-ing khi muốn diễn đạt 1 hành động cụ thể xảy ra nhất thời nhưng khi muốn diễn đạt bản chất của sự vật, sự việc thì phải dùng danh từ

Dieting is very popular today.

Diet is for those who suffer from a certain disease.

Động từ nguyên thể cũng có thể dùng làm chủ ngữ và động từ sau nó sẽ chia ở ngôi thứ 3 số ít. Nhưng người ta thường dùng chủ ngữ giả *it* để mở đầu câu.

To find the book is necessary for him = It is necessary for him to find the book.

#### 4.6 Các danh từ tập thể

Đó là các danh từ ở bảng sau dùng để chỉ 1 nhóm người hoặc 1 tổ chức nhưng trên thực tế chúng là những danh từ số ít, do vậy các đại từ và động từ theo sau chúng cũng ở ngôi thứ 3 số ít.

Congress family group committee class	Organization team army club crowd	Government jury majority* minority public
---	---	---

The committee has met, and it has rejected the proposal.

The family was elated by the news.

The crowd was wild with excitement

Congress has initiated a new plan to combat inflation.

The organization has lot many members this year.

Our team is going to win the game.

Tuy nhiên nếu các thành viên trong nhóm đang hoạt động riêng rẽ, động từ sẽ chia ở ngôi thứ 3 số nhiều:

Congress votes for the bill. (Quốc hội bỏ phiếu cho dự luật, gồm tất cả mọi người)

Congress are discussing about the bill. (Quốc hội đang tranh luận về dự luật, tức là một số tán thành, một số phản đối. Thi TOEFL không bắt lỗi này).

\* Danh từ majority được dùng tùy theo thành phần sau nó để chia động từ

The majority + singular verb

The majority of the + plural noun + plural verb

The majority believes that we are in no danger.

The majority of the students believe him to be innocent.

· *The police/the sheep/the fish* + plural verb.

The sheep are breaking away

The police come only to see the dead bodies and a ruin in the bank

· *A couple* + singular verb

A couple is walking on the path

· *The couple* + plural verb

The couple are racing their horses through the meadow.

· Các cụm từ ở nhóm sau chỉ một nhóm động vật hoặc gia súc. Cho dù sau giới từ *of* là danh từ số nhiều thì động từ vẫn chia theo ngôi chủ ngữ chính – ngôi thứ 3 số ít: *flock of birds/ sheep, school of fish, herd of cattle, pride of lions, pack of dogs*

The flock of birds is circling overhead.

The herd of cattle is breaking away.

A school of fish is being attacked by sharks.

· Tất cả các danh từ tập thể chỉ thời gian, tiền bạc, số đo, ... khi được đề cập đến như một thể thống nhất thì đều được xem là một danh từ số ít. Do đó các động từ và đại từ theo sau chúng phải ở ngôi thứ 3 số ít.

Twenty-five dollars is too much for the meal.

Fifty minutes isn't enough time to finish this test

Twenty dollars is all I can afford to pay for that radio.

Two miles is too much to run in one day.

He has contributed \$50, and now he wants to contribute another fifty.

#### 4.7 Cách sử dụng a number of, the number of:

A number of = “Một số những ...”, đi với danh từ số nhiều, động từ chia ở số nhiều.

A number of + plural noun + plural verb

A number of students are going to the class picnic (Một số sinh viên sẽ đi ...)

A number of applicants have already been interviewed.

The number of = “Số lượng những ...”, đi với danh từ số nhiều, động từ vẫn ở ngôi thứ 3 số ít.

The number of + plural noun + singular verb...

The number of days in a week is seven. (Số lượng ngày trong tuần là 7)

The number of residents who have been questioned on this matter is quite small.

#### 4.8 Các danh từ luôn ở số nhiều

Bảng sau là những danh từ bao giờ cũng ở hình thái số nhiều vì chúng bao gồm 2 thực thể nên các đại từ và động từ đi cùng với chúng cũng phải ở số nhiều.

scissors

jeans

eyeglasses

shorts

tongs

pliers

pants

trousers

tweezers

Nếu muốn chúng thành ngôi số ít phải dùng *a pair of*...

The pants are in the drawer.

A pair of pants is in the drawer.

These scissors are dull. (Cái kéo này cùn. Chú ý chỉ có 1 cái kéo nhưng cũng dùng với these)

#### 4.9 Cách dùng there is, there are

Được dùng để chỉ sự tồn tại của người hoặc vật tại một nơi nào đó. Chủ ngữ thật của câu là danh từ đi sau động từ. Nếu nó là danh từ số ít thì động từ *to be* chia ở ngôi thứ 3 số ít và ngược lại. Mọi biến đổi về thời và thể đều ở *to be* còn *there* giữ nguyên.

<div> <div>There is</div> <div>There was</div> <div>There has been</div> </div>	<div>+ singular subject ...</div> <div>(or non-count)</div>
---	---

There has been an increase in the importation of foreign cars.

There is a storm approaching.

There was an accident last night.

There was water on the floor.

<div> <div>There are</div> <div>There were</div> <div>There have been</div> </div>	<div>+ plural subject ...</div>
--	---------------------------------

There have been a number of telephone calls today.

There were too many people at the party.

### Lưu ý:

- Các cấu trúc: there is certain/ sure/ likely/ bound to be = chắc chắn là sẽ có  
There is sure to be trouble when she gets his letter. (Chắc chắn là sẽ có rắc rối khi cô ấy nhận được thư anh ta)  
Do you think there is likely to be snow. (Anh cho rằng chắc chắn sẽ có tuyết chứ)
- Trong dạng tiếng Anh quy chuẩn hoặc văn chương một số các động từ khác ngoài to be cũng được sử dụng với there:  
Động từ trạng thái: *stand/ lie/ remain/ exist/ live*  
Động từ chỉ sự đến: *enter/ go/ come/ follow/ develop*

There + verb	<div> <div>of state</div> <div>of arrival</div> </div>	+ noun as subject
--------------	--	-------------------

In a small town in Germany there once lived a poor shoemaker. (Tại một thị trấn nhỏ ở Đức có một ông thợ giày nghèo sống ở đó)

There remains nothing more to be done . (Chả còn có gì nữa mà làm)

Suddenly there entered a strange figure dressed all in black. (Bỗng có một hình bóng kì lạ mặc toàn đồ đen đi vào)

There followed an uncomfortable silence. (Sau đó là một sự im lặng đến khó chịu)

- There + subject pronoun + go/ come/ be: kia/ thế là/ rồi thì  
There he comes (Anh ta đã đến rồi kia kia)  
There you are, I have been waiting for you for over an hour. (Anh đây rồi, tôi đang chờ anh đến hơn một tiếng rồi đấy)